

TỰ SỰ KÍ ỨC TRONG *THỊ DÂN TIỂU THUYẾT* CỦA NGUYỄN VIỆT HÀ

NGUYỄN THÀNH TÀI*,
NGUYỄN HÀ TUYẾT MY**,
KIỀU THANH UYÊN***

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà từ góc nhìn tự sự kí ức. Kết quả nghiên cứu cho thấy tự sự kí ức vừa là hình thức thực hành văn hóa, vừa là chiến lược nghệ thuật chặt chẽ. Ở phương diện nội dung, tự sự kí ức trong tác phẩm đã kiến tạo nên căn tính thị dân và căn tính đô thị Hà Nội. Trên bình diện nghệ thuật, kết cấu phân mảnh và người kể chuyện đa tầng đã đem đến cấu trúc tự sự kí ức chặt chẽ cho truyện kể. Sự kết nối giữa nghiên cứu tự sự và kí ức đã đem đến góc nhìn mới trong nghiên cứu tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà nói riêng và tiểu thuyết Việt Nam đương đại nói chung. Đồng thời, hướng nghiên cứu này cũng góp phần làm đa dạng hóa các kiến giải tự sự học theo hướng liên ngành tại Việt Nam trong những năm gần đây.

Từ khóa: căn tính, đô thị, Nguyễn Việt Hà, tự sự kí ức, *Thị dân tiểu thuyết*.

NARRATIVE MEMORY IN *THE URBANITE NOVEL* BY NGUYỄN VIỆT HÀ

Abstract: This study investigates Nguyễn Việt Hà's *The Urbanite Novel* through the conceptual framework of narrative memory. The findings indicate that narrative memory operates simultaneously as a cultural practice and as an aesthetic strategy. Within the novel, it plays a pivotal role in shaping both the citizen and urban identities of Hanoi. Furthermore, the fragmented composition and multilayered narratorial configuration together generate a coherent structure of remembrance. The integration of narratology and memory studies thereby provides a novel analytical lens for examining Nguyễn Việt Hà's fiction in particular and contemporary Vietnamese novels more generally. This research also contributes to broadening interdisciplinary narratological interpretations in Vietnam in recent years.

Keywords: identity, urban, Nguyễn Việt Hà, narrative memory, *The Urbanite Novel*.

Ngày nhận bài: 15.12.2025; ngày gửi phản biện: 27.12.2025;

ngày nhận bài sửa: 17.03.2026; ngày duyệt đăng: 16.04.2026.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh phát triển của tự sự học hậu kinh điển, nghiên cứu truyện kể có xu hướng mở rộng theo hướng liên ngành. Trên cơ sở đó, nghiên cứu từ góc nhìn tự sự học hình thành

* Trường Đại học Đà Lạt. Email: 2212941@dlu.edu.vn

** Trường Đại học Đà Lạt. Email: 2313312@dlu.edu.vn

*** TS. - Trường Đại học Đà Lạt. Email: uyenkt@dlu.edu.vn

nhiều khuynh hướng tiếp cận mới như tự sự học nữ quyền, tự sự học chấn thương, tự sự học lịch sử,... Theo dòng vận động này, tự sự kí ức với sự kết hợp giữa tự sự học và nghiên cứu kí ức đã mở ra những góc nhìn mới. Hướng nghiên cứu này cho phép tái nhận diện vai trò của kí ức trong việc tổ chức cấu trúc truyện kể, đồng thời làm rõ ý nghĩa của tự sự như một cơ chế kiến tạo căn tính cá nhân và cộng đồng.

Bước sang đầu thế kỉ XXI, kí ức và đời sống thị dân trở thành một trong những đề tài chính của văn học Việt Nam đương đại. Có thể thấy đề tài này trong sáng tác của nhiều nhà văn như Đỗ Phấn, Hồ Anh Thái, Phạm Quang Long, Nguyễn Danh Lam,... Nổi bật trong số đó là Nguyễn Việt Hà với hệ thống tác phẩm như *Cơ hội của Chúa*, *Khải huyền muộn*, *Ba ngôi của người*, *Thị dân tiểu thuyết* và *Tuyệt không dấu vết*. Trong đó, *Thị dân tiểu thuyết* (được trao Giải thưởng Văn học của Hội Nhà văn Hà Nội năm 2019) đã cho thấy cách tổ chức tự sự đặc sắc qua việc kiến tạo đồng thời kí ức cá nhân và kí ức tập thể. Qua đó, tác phẩm thể hiện tinh tế những biến chuyển của căn tính thị dân và căn tính đô thị Hà Nội trong bối cảnh hiện đại.

2. Lí thuyết tự sự kí ức và hướng tiếp cận

Trên thế giới, mối liên hệ giữa tự sự và kí ức đã được quan tâm nghiên cứu từ sớm. Trong đó, tiêu biểu là công trình *Memory, Narrative and Identity*¹ (Kí ức, tự sự và căn tính, 2000), *Telling Story: Memory and Narrative*² (Kể chuyện: Kí ức và tự sự, 2010), *History and Narrative: Shifts of Meaning when (Re)constructing the Past*³ (Quá khứ và tự sự: sự thay đổi ý nghĩa khi tái cấu trúc quá khứ, 2012). Những công trình và bài viết kể trên đã chỉ ra mối quan hệ hữu cơ giữa tự sự và kí ức. Việc hồi tưởng và tái hiện kí ức thông qua tự sự không đơn thuần là sự trình hiện quá khứ, mà là một quá trình kiến tạo ý nghĩa thông qua những chiến lược diễn ngôn cụ thể. Chính các chiến lược này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và vận hành các diễn ngôn văn hóa trong đời sống xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, khi nghiên cứu truyện kể đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng hậu kinh điển với sự gia tăng của các mô hình tiếp cận liên ngành, việc vận dụng góc nhìn kí ức trong tự sự học vì thế ngày càng trở thành một hướng tiếp cận có ý nghĩa thực tiễn và lí luận.

Tại Việt Nam, tự sự kí ức đã được đề cập trong một số nghiên cứu gần đây, chẳng hạn bài viết của Phạm Phương Mai về tiểu thuyết *Những đại lộ vành đai của Patrick Modiano*⁴, trong đó tác giả phân tích tự sự kí ức trên các bình diện chủ đề, thời gian và cơ chế hồi tưởng. Tuy nhiên, nghiên cứu này chủ yếu dừng ở mô tả hiện tượng, chưa đặt tự sự kí ức trong khung tự sự học hậu kinh điển để xem xét kí ức như một chiến lược trần thuật mang chức năng văn hóa, cũng như chưa làm rõ vai trò của kí ức trong việc chi phối cấu trúc tự sự.

Đối với sáng tác của Nguyễn Việt Hà, nhiều công trình đã làm rõ cảm thức hậu hiện đại

¹ Nicola King, *Memory, Narrative, Identity: Remembering the Self* (Edinburgh University Press, 2000).

² Mark Freeman, "Telling Stories: Memory and Narrative," in *Memory: Histories, Theories, Debates*, ed. Susannah Radstone and Bill Schwarz (Fordham University Press, 2010).

³ Ignacio Brescó de Luna and Alberto Rosa, "History and Narrative: Shifts of Meaning when (Re)constructing the Past," *Europe's Journal of Psychology* 8 (2012): 301.

⁴ Phạm Phương Mai, "Tự sự kí ức trong tiểu thuyết *Những đại lộ vành đai* của Patrick Modiano," *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 1 (2025): 169.

và diễn ngôn đời sống thị dân, tiêu biểu là các nghiên cứu của Đặng Văn Vũ¹ và Trần Minh Tùng². Tuy nhiên, tự sự kí ức trong tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà, đặc biệt trong *Thị dân tiểu thuyết*, vẫn chưa được khảo sát một cách hệ thống. Vì vậy, bài viết này tiếp cận *Thị dân tiểu thuyết* từ khung tự sự học gắn với nghiên cứu kí ức, nhằm góp phần bổ sung một hướng đọc mới về phương thức kiến tạo kí ức và căn tính đô thị trong văn xuôi Việt Nam đương đại.

Cơ sở của sự gắn kết giữa tự sự và kí ức trước hết nằm ở mối liên hệ nội tại giữa hai phạm trù này. Christopher Collins cho rằng kí ức không tồn tại như một câu chuyện hoàn chỉnh mà hiện diện như một trải nghiệm phức hợp, đa tầng và phi tuyến tính³. Tuy nhiên, khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ, kí ức phải trải qua quá trình lựa chọn, tổ chức và sắp xếp thành chuỗi sự kiện có thể truyền đạt. Lập luận này cho thấy kí ức và tự sự không đồng nhất về bản chất nhưng kí ức chỉ có thể được biểu đạt thông qua những cơ chế tương tự tự sự. Vì vậy, tự sự kí ức có thể được hiểu như một chiến lược nghệ thuật tổ chức truyện kể nhằm tái hiện và kiến tạo kí ức con người. Với mô hình tự sự này, thời gian trần thuật thường phi tuyến tính vì bị chi phối bởi gợi nhớ, liên tưởng, đứt đoạn và chồng lớp kinh nghiệm. Đồng thời, các đặc điểm như kết cấu phân mảnh, đồng hiện, đan cài các lớp thời gian hay luân chuyển điểm nhìn giữa nhiều chủ thể hồi ức là những biểu hiện phổ biến. Do đó, tự sự kí ức không chỉ là truyện kể về quá khứ mà còn là kiểu truyện kể trong đó hình thức trần thuật được tổ chức tương ứng với sự vận động của kí ức.

Từ góc nhìn tu từ học tự sự, Wayne C. Booth nhấn mạnh rằng kể chuyện là một hành vi tu từ, trong đó truyện kể là chiến lược nghệ thuật của tác giả hàm ẩn nhằm định hướng sự tiếp nhận của người đọc. Theo đó, mọi lựa chọn trần thuật – từ người kể chuyện, điểm nhìn đến kết cấu – đều tham gia vào quá trình kiến tạo ý nghĩa⁴. Vận dụng quan điểm này, tự sự kí ức có thể được xem như một chiến lược kiến tạo diễn ngôn kí ức thông qua lựa chọn trần thuật. Hơn nữa, tính khả tín của kí ức không phụ thuộc vào độ chính xác của sự kiện, mà vào cách văn bản tổ chức các phương thức kể để làm cho kí ức trở nên thuyết phục và có ý nghĩa trong thế giới nghệ thuật.

Tuy nhiên, tiếp cận từ tự sự học hậu kinh điển cho thấy truyện kể không chỉ là hình thức biểu đạt mà còn là phương thức kiến tạo ý nghĩa trong những ngữ cảnh văn hóa và tri nhận cụ thể. Từ góc nhìn này, tự sự kí ức cần được xem như một hình thức thực hành văn hóa. Bước ngoặt quan trọng trong nghiên cứu kí ức được xác lập từ *Les Cadres sociaux de la mémoire* (Khuôn khổ xã hội của kí ức, 1924) của Maurice Halbwachs khi ông khẳng định: “Chính trong xã hội mà con người bình thường tiếp nhận các kí ức cá nhân. Cũng chính trong xã hội mà họ gợi nhớ, nhận ra và định vị các kí ức của mình”⁵. Với các quan hệ cộng đồng, thiết chế và

¹ Đặng Văn Vũ và Vi Thị Thúy, “Cảm thức hậu hiện đại về con người trong tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà,” *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ Dầu Một*, số 6 (2024).

² Trần Minh Tùng, “Diễn ngôn về thị dân trong *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà,” *Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*, 2025, <https://lyluanphebinh.vn/tin-tuc/...trong-thi-dan-tieu-thuyet-cua-nguyen-viet-ha>

³ Christopher Collins, *Neopoetics: The Evolution of the Literate Imagination* (Columbia University Press, 2017).

⁴ Wayne C. Booth, *The Rhetoric of Fiction* (University of Chicago Press, 1983).

⁵ Dẫn theo Erika Apfelbaum, “Halbwachs and the Social Properties of Memory,” in *Memory: Histories, Theories, Debates*, ed. Bill Schwarz and Susannah Radstone (Fordham University Press, 2010), 85.

hệ giá trị, xã hội tạo nên khuôn khổ để kí ức cá nhân được hình thành và được hiểu, vì vậy kí ức trong truyện kể luôn mang dấu vết của kí ức tập thể và các cấu trúc văn hóa rộng lớn hơn. Trên cơ sở đó, Jan Assmann trong phân biệt kí ức giao tiếp như dạng kí ức tồn tại trong các tương tác đời thường, được duy trì thông qua lời kể, sự lặp lại và sự hiện diện của các chủ thể trong cùng một khung giao tiếp¹. Quan điểm này cho thấy kí ức không phải là sự lưu giữ thụ động của quá khứ mà là một quá trình kiến tạo liên tục, trong đó kinh nghiệm được tổ chức lại, thương thảo và xác nhận ý nghĩa trong những bối cảnh văn hóa – xã hội cụ thể. Vì vậy, kí ức có thể được xem như một hình thức biểu đạt văn hóa, nơi trải nghiệm sống được diễn ngôn hóa và chia sẻ thông qua các thực hành kể chuyện. Từ góc nhìn này, kí ức không chỉ tồn tại trong ý thức cá nhân mà còn được tái hiện trong các diễn ngôn văn hóa, trong đó văn học giữ vai trò như một phương tiện quan trọng của văn hóa kí ức.

Trong khi đó, tự sự là hình thức diễn ngôn có khả năng đặc biệt trong việc kiến tạo căn tính. Michael Bamberg nhấn mạnh rằng “tự sự là một thể loại ‘đặc quyền’ trong việc kiến tạo căn tính, bởi nó đòi hỏi việc đặt nhân vật vào thời gian và không gian, đồng thời luôn hướng đến ‘đời sống con người’, cái đáng sống”². Hành vi kể chuyện vì thế cũng là quá trình thương thảo bản sắc cá nhân và cộng đồng. Từ góc nhìn này, tự sự kí ức có thể được xem như phương thức qua đó chủ thể kiến tạo ý thức về bản thân, về cộng đồng và về không gian văn hóa mà mình thuộc về.

Trên cơ sở đó, bài viết phân biệt hai bình diện căn tính được kiến tạo qua tự sự kí ức: *căn tính thị dân* (urban citizen identity), tức căn tính của chủ thể sống trong đô thị, được hình thành qua kinh nghiệm cư trú, lối ứng xử và kí ức đời sống; và *căn tính đô thị* (urban identity), tức bản sắc của đô thị như một không gian văn hóa – lịch sử được nhận thức và kể lại qua kí ức cộng đồng. Hai khái niệm này được tham chiếu từ *Urban Identity and Planning*³ (Căn tính đô thị và quy hoạch, 2024) của Fitrawan Umar, Haryo Winarso và Iwan Kustiwan, theo đó căn tính đô thị có thể được nhận diện qua: (1) *căn tính của đô thị* (identity of urban) gắn với lịch sử, hình thái kiến trúc và cảnh quan; (2) *căn tính trong đô thị* (identity in urban) gắn với các chủ thể cư trú, kí ức và quan hệ xã hội và (3) *căn tính về đô thị* (identity for urban) gắn với những định hướng phát triển và quy hoạch tương lai. Trong phạm vi bài viết, căn tính của đô thị và căn tính trong đô thị (căn tính thị dân) được quan tâm khảo sát, bởi *Thị dân tiểu thuyết* chủ yếu tái hiện Hà Nội như một không gian tích lũy nhiều lớp lịch sử và như nơi chôn của những chủ thể thị dân với các kí ức và thực hành văn hóa đặc thù.

Từ những tiền đề trên, bài viết tiếp cận *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà từ khung lí thuyết tự sự kí ức trên hai bình diện gắn bó với nhau: một là như một hình thức thực hành văn hóa, qua đó chủ thể kể chuyện kiến tạo và thương thảo căn tính trong những ngữ cảnh xã

¹ Jan Assmann, “Communicative and Cultural Memory,” in *Cultural Memory Studies: An International and Interdisciplinary Handbook*, ed. Astrid Erll and Ansgar Nünning (Walter de Gruyter, 2008), 109-118.

² Michael Bamberg, “Identity and Narration,” in *Handbook of Narratology*, ed. Peter Hühn, Jan Christoph Meister, John Pier, and Wolf Schmid (Walter de Gruyter, 2009).

³ Fitrawan Umar, Haryo Winarso and Iwan Kustiwan, “Urban Identity and Planning: Conceptual Study on Identity of Urban, Identity in Urban, and Identity for Urban,” *Spatium* 51 (2024): 11–20, <https://doi.org/10.2298/SPAT230828002U>.

hội – lịch sử cụ thể; hai là như những chiến lược nghệ thuật của tác giả hàm ẩn trong việc mô phỏng và kiến tạo kí ức trong truyện kể. Việc gắn kết giữa hai bình diện không chỉ là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức mà là sự vận hành của truyện kể theo những logic văn hoá của chính nó.

Vận dụng lí thuyết tự sự học theo hướng nghiên cứu kí ức, kết hợp phương pháp nghiên cứu liên ngành, phương pháp nghiên cứu cấu trúc, bài viết xem xét tự sự kí ức trong *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà ở cả phương diện nội dung lẫn nghệ thuật. Theo định hướng đó, bài viết tập trung khảo sát vai trò của tự sự kí ức trong việc hình thành nên căn tính thị dân và căn tính của đô thị Hà Nội, đồng thời chỉ ra vai trò của kết cấu truyện kể cũng như người kể chuyện khi tham gia mô phỏng và kiến tạo kí ức của các nhân vật trong tác phẩm.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Tự sự kí ức và sự kiến tạo căn tính trong *Thị dân tiểu thuyết*

3.1.1. Kí ức cá nhân: căn tính thị dân Hà Nội

Trong *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà, kí ức cá nhân chính là phương tiện phản ánh căn tính thị dân (căn tính trong đô thị) Hà Nội. Căn tính đó phản ánh qua hai phạm trù cơ bản. Một là tình yêu, cảm thức thuộc về và nhận thức (hay sự kì vọng) của cư dân đô thị về thành phố. Hai là những hình thức thực hành văn hóa của cộng đồng cư dân sống trong đô thị Hà Nội.

Thứ nhất, Hà Nội trong quá khứ là nơi đã nuôi dưỡng tuổi thơ và tuổi trẻ của các nhân vật. Đô thị này không chỉ là nơi không gian sống mà còn là không gian của cảm xúc và trải nghiệm. Vợ Tĩnh luôn bồi hồi khi nhớ lại những ngày đầu yêu nhau, nơi những cơn mưa phố nhỏ và những khoảnh khắc vụng dại trở thành một phần của tâm hồn: “Chúng tôi đã hôn nhau, và ở trong cái thuở hoang đường ấy, tình yêu chỉ có thế. Nụ hôn đầu trong veo lãng mạn ngọt ngào dưới mái hiên mưa phố Hàng Bài. Tất cả những lần đầu đáng yêu và đáng nhớ”¹. Còn với Tĩnh, kí ức về cha mẹ, bạn bè, thầy cô đã trở thành những dấu ấn không thể phai. Diệp cũng hướng về Hà Nội như nơi ghi dấu những năm tháng cơ cực nhưng chất chứa sự nâng đỡ, sự gắn bó của những người cùng cảnh ngộ. Trong hồi ức của ông Lâm, Hà Nội cũ được tái hiện qua những con người hào hoa, phong nhã, là “những ngọn núi cuối cùng của phố” mà ông luôn đau đáu gìn giữ. Mỗi nhân vật đều có một định nghĩa riêng về phố thị Hà Nội và mỗi cách nhìn đó cùng đan quện vào nhau, cho thấy nơi đây đã nuôi dưỡng, ghi dấu những trải nghiệm trong chặng đường đã qua của các nhân vật.

Tuy nhiên, Hà Nội trong bối cảnh hiện đại đã có nhiều biến đổi so với Hà Nội trong kí ức của các nhân vật. Quá trình chuyển sang kinh tế thị trường và hiện đại hóa sau thời bao cấp vừa thúc đẩy phát triển đô thị, vừa làm biến đổi sâu sắc cấu trúc đời sống xã hội, khi các không gian và quan hệ quen thuộc bị thay thế bởi những hình thức hoạt động kinh tế mới, kéo theo nhiều hiện tượng tiêu cực của đô thị đương đại. Đó là hình ảnh của Phong với hiệu thuốc chuyên tẩy thai cho “những quý bà, quý cô nhờ có bầu ngoài luồng đảm bảo uống một

¹ Nguyễn Việt Hà, *Thị dân tiểu thuyết* (NXB Trẻ, 2019), 66.

nổi trong hai tháng đầu sẽ hoàn toàn khỏi... thuốc tây thai Tây không thể bì”¹. Đó là nơi của những người giàu tri thức, thừa tiền bạc nhưng nghèo nàn văn hóa: “một hiệu trường (...) là giáo sư Cát Tường béo phịch phịch, hay ra Bờ Hồ chỗ gần nhà vệ sinh công cộng biểu tình đòi dân chủ nên vừa bị bắt về tội ấu dâm”². Bên cạnh đó, những người từng sinh ra và lớn lên trong phố, từng được nuôi dưỡng bởi những giá trị tốt đẹp giờ đây cũng bắt đầu thay đổi. Đó là hình ảnh của Tùng: “thằng này chưa đầy hai mươi tuổi, mắt nửa xanh nửa trắng, màu của những đêm trác táng tuyệt vọng. Nó sẽ là thằng con giai phố cổ cuối cùng, chứng kiến sự tàn lụi của phố”³.

Những biến đổi của Hà Nội đương đại khiến nhiều nhân vật rơi vào trạng thái xa lạ ngay trong chính không gian từng thuộc về. Sự lấn át của “cái giả” và “cái nguy” làm đứt gãy cảm thức hòa nhập, thể hiện qua tâm trạng lạc lõng, hoài nghi và bất an của Tĩnh, vợ Tĩnh hay ông Lâm. Trước thực tại biến động, họ tìm về quá khứ như một điểm tựa tinh thần, qua đó cho thấy Hà Nội trong kí ức trở thành không gian kiến tạo căn tính thị dân, nơi lưu giữ cảm thức thuộc về và những kì vọng về một đô thị mang giá trị nhân văn bền vững. Kí ức cá nhân đồng thời phản ánh các thực hành văn hóa đặc thù của thị dân, góp phần định hình căn tính Hà Nội qua lối ứng xử lịch thiệp, tinh tế và ý thức duy trì chuẩn mực thẩm mỹ trong đời sống. Những giá trị này được bảo tồn qua nghi lễ gia đình, mâm cỗ, món ăn và phong tục truyền thống: “Thời bao cấp khó khăn thì bớt bát bớt đĩa, những năm lại đây cả phố dư dật thì giữ nguyên sáu bát tám đĩa. Có cá trăm kho tương. Có giò lụa giã tay của người quen ở Ước Lễ đều đặn biếu. Gà sống thiện thả đồi của nhà bà Tốt quê Phú Thọ,... Ông Lâm thích nhất là món ninh, mỡ gáy lợn trắng ngần ăn cả bát không ngấy”⁴. Việc gìn giữ nếp cỗ, lễ giỗ và các sinh hoạt gia đình qua nhiều thế hệ không chỉ thể hiện tính cầu kì trong văn hoá ẩm thực mà còn cho thấy nỗ lực bảo tồn kí ức văn hoá và duy trì ý thức cội nguồn của thị dân trong bối cảnh đô thị hóa.

Bên cạnh sự lịch thiệp và ý thức gìn giữ truyền thống, kí ức của các thị dân Hà Nội còn cho thấy khuynh hướng coi nhẹ vật chất, đề cao nghệ thuật và tri thức. Bố vợ Tĩnh duy trì thói quen đọc và sưu tầm sách ngay trong thời bao cấp như một cách nuôi dưỡng đời sống tinh thần; ông Thái Long, dù sa sút, vẫn say mê hội họa và sưu tầm tranh Nghiêm - Liên - Sáng - Phái. Tinh thần trọng trí thức còn thể hiện qua những cuộc đối thoại triết luận giữa sư thầy Tĩnh Tuệ, cha cố Phúc và ông đồng Lạc, nơi các nhân vật bàn luận về tôn giáo, đạo đức, lễ sống và cái đẹp, qua đó làm nổi bật chiều sâu văn hóa của căn tính thị dân Hà Nội. Tất cả đã phác họa diện mạo về những thế hệ thị dân uyên bác, hiểu biết rộng và nhiều ưu tư: “Thưa anh, đạo nào cũng có cái lỏng cái chặt, thậm chí cái hay cái dở. Nhưng đạo Thánh có những linh nghiệm dễ thấy, hiện tiền ngay trong kiếp sống này... Đức Phật thì từ bi nhưng các Thánh thì một phen một li cũng báo. Có phải ngẫu nhiên mà Mẫu Liễu Hạnh lại được dựa vào hàng tứ bất tử”⁵. Những trao đổi về Phật giáo, Công giáo và tín ngưỡng bản địa không chỉ phản ánh đời sống tâm linh đa dạng mà còn làm nổi bật tinh thần bao dung tôn giáo của phố cổ Hà Nội. Sự cùng tồn tại

¹ Nguyễn Việt Hà, *Thị dân tiểu thuyết* (NXB Trẻ, 2019), 101.

² Như trên, 20.

³ Như trên, 79.

⁴ Như trên, 82.

⁵ Như trên, 102.

dung hòa giữa đền Bạch Vân, nhà thờ nhỏ và ngôi chùa của sư thầy Tĩnh Tuệ kiến tạo một không gian tinh thần đặc thù, nơi các niềm tin trở thành điểm tựa đạo đức cho đời sống thị dân.

Kí ức của các nhân vật về Hà Nội khắc họa một căn tính thị dân đặc thù, gắn với lối sống lịch thiệp, tinh tế, đề cao đời sống tinh thần, tri thức và nghệ thuật. Những thực hành văn hóa này không chỉ phản ánh phong thái người Hà Nội mà còn góp phần kiến tạo căn tính thị dân trong tương quan với các không gian đô thị khác, qua đó làm nổi bật hệ giá trị và cảm thức thẩm mỹ riêng của nhiều thế hệ.

3.1.2. Kí ức tập thể: căn tính của đô thị Hà Nội trong bối cảnh hiện đại hóa đô thị

Theo quan niệm của Maurice Halbwachs, kí ức tập thể gắn chặt vào các “khuôn khổ xã hội”¹ – những không gian nơi cộng đồng cùng gắn bó, trải nghiệm và chia sẻ kí ức. Trong *Thị dân tiểu thuyết*, con phố nơi Tĩnh sinh ra và trưởng thành lưu giữ kí ức cá nhân của anh, đồng thời là không gian chung của nhiều thị dân khác. Sự chồng lấn trải nghiệm khiến phố trở thành một “khuôn khổ xã hội” của kí ức, nơi kí ức cá nhân được chuyển hóa thành kí ức cộng đồng. Các không gian như phố cổ, khu tập thể thời bao cấp, hàng quán, nhà thờ, đền chùa vì thế trở thành những nơi chôn kí ức, góp phần hình thành kí ức tập thể và định hình căn tính đô thị Hà Nội.

Thứ nhất, kí ức tập thể của các nhân vật trước hết được hình thành từ những sự kiện lịch sử mà đô thị Hà Nội đã trải qua. Đó là khi thực dân Pháp bắt đầu đặt ách đô hộ Hà Nội: “Trước năm 1910, chỗ giáp ra ngã ba Hàng Trống là một khu đất rộng, nhà nước Bảo Hộ cất cho thằng Jean Dupuis và một thầu khoán người Tàu gốc Nam Kỳ là Nguyễn Tăng Sơn xây lều tèo mấy cái nhà trọ. Chênh chênh phía bên kia là Hotel de Colonies”². Đó còn là khi đế quốc Mỹ tấn công thành phố: “Phố nhà mình hầu như lúc nào cũng vắng lặng, kể cả cái thời bị người ta gọi là tạm chiếm. Và vắng nhất là hồi Mỹ ném bom Hà Nội, hầu hết dân phố phải đi sơ tán”³; “Hồi ấy, mỗi khi còi báo động rú lên, cả khu lại dất dứu nhau chạy xuống hầm tập thể. Tiếng chân, tiếng thở, tiếng khóc của trẻ con lẫn vào tiếng bom xa”⁴.

Bước qua những năm tháng chiến tranh mờ khói lửa, Hà Nội trải qua những ngày bao cấp thiếu thốn, những kí ức mà các thế hệ thị dân dù đã đi qua nhưng vẫn ngậm ngùi hoài vọng: “Thằng Lễ bây giờ lụ khụ già trước tuổi, lúc nhớ lúc quên, nhưng vào ngày giỗ bà và bố, nó vẫn làm được những thanh kẹo hoang đường của thời bao cấp”⁵. Ngoài ra, những sự kiện khác như chính sách quốc hữu hóa tài sản và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, khi tài sản tư nhân bị tịch thu hoặc bị quản lí bởi Nhà nước cũng được tác giả nhắc đến: “Hồi nhà tư sản bị tịch thu tài sản, người ta chỉ đếm xường máy, biệt thự... còn những cuộn toan lờm xờm của Lê Phổ, của Vũ Cao Đàm hay mấy cái lụa xoắn mép của Mai Trung Thứ... được lẫn lộn vớt lại trên kho áp mái”⁶. Những năm tháng ấy trở thành kí ức sâu đậm của các thị dân Hà Nội, gắn với niềm vui giản dị, đời sống nghèo khó nhưng liêm khiết và tinh tế của thời bao cấp. Kí

¹ Apfelbaum, “Halbwachs and the Social Properties of Memory.”

² Nguyễn Việt Hà, *Thị dân tiểu thuyết*, 131.

³ Như trên, 118.

⁴ Như trên, 33.

⁵ Như trên, 273.

⁶ Như trên, 90.

ức này được ghi chép và lưu truyền qua các thế hệ như một hình thức lưu giữ lịch sử đời sống phổ phường. Trước những vận động tất yếu của lịch sử, thị dân chấp nhận biến đổi và tiếp tục kiến tạo kí ức về một Hà Nội giàu giá trị hoài niệm.

Những kí ức lịch sử làm nổi bật căn tính Hà Nội như một đô thị cổ tích lũy nhiều lớp thời gian. Từ khi được chọn làm kinh đô Thăng Long năm 1010 dưới triều Lí, qua giai đoạn Hà Nội là thủ phủ Liên bang Đông Dương thời Pháp thuộc, thời kì bao cấp với các khu tập thể như Kim Liên, Giảng Võ, đến thời kì Đổi mới (1986) và hội nhập, các biến động lịch sử đã để lại dấu ấn sâu đậm trong không gian đô thị và kí ức thị dân. Chính chiều dài lịch sử ấy góp phần định hình căn tính đặc thù của Hà Nội trong hệ thống các đô thị Việt Nam.

Các nhân vật đặt kí ức cá nhân lên nhiều nơi chốn tiêu biểu của đô thị như Bờ Hồ Hoàn Kiếm, quán cà phê Giảng, rạp hát Tháng Tám, đài phun nước Đông Kinh Nghĩa Thục, chùa Trấn Quốc, Nhà thờ Lớn Hà Nội, đền Ngọc Sơn,... qua đó biến các không gian này thành những khuôn khổ xã hội của kí ức. Chính từ các nơi chốn ấy, căn tính đô thị Hà Nội được nhận diện như một không gian giao thoa Đông – Tây, cũ – mới, cổ kính – hiện đại. Từ khi trở thành thành phố nhượng địa của Pháp (1888), diện mạo đô thị Hà Nội được hình thành bởi sự đan xen giữa mô hình phố thị phong kiến và quy hoạch phương Tây, tạo nên một cấu trúc kiến trúc đặc thù – kết quả của sự thương thỏa giữa thẩm mỹ Á Đông truyền thống và hiện đại phương Tây. Những nhà hàng khách sạn hiện đại, những biệt thự theo lối kiến trúc Pháp đã đem đến cho đô thị Hà Nội vẻ đẹp của sự hài hòa, kín đáo mà phô trương: “Đứng từ bên này vĩa hè rue Paul Bert, cậu Bình trông sang gánh hàng hoa của cô Lan dọn sớm. Xa xa qua màn sương đục, tháp thoáng cái tháp Rùa càng ngày trông càng bớt thô lỗ. Rồi nhiều năm nữa, được thời gian rêu phong che chở, nó sẽ được coi là thắng tích biểu trưng cho đất Thăng Long nghìn năm văn vật”; “Tòa nhà thờ mới dựng ở phố đậm nét Opus Francigenum, nhưng vì nó nhỏ nên tựa tựa như một ngôi đền Á Đông... Gian giữa rộng rãi nhiều cột gỗ lim, cứ cách vài ô cửa kính màu sắc sỡ vẽ tranh thánh là những câu đối cả Hán lẫn Nôm cầu kì thanh nhã”¹.

Thông qua kí ức tập thể của các thị dân gắn với các không gian đô thị, căn tính Hà Nội hiện lên với hai phương diện chủ đạo: một đô thị cổ tích lũy qua nhiều biến động lịch sử và một không gian giao thoa giữa mới – cũ, truyền thống – hiện đại, phương Đông – phương Tây. *Thị dân tiểu thuyết* đồng thời phản ánh những biến đổi của Hà Nội đương đại, khi các không gian cũ dần nhường chỗ cho diện mạo hiện đại. Những thay đổi này không được nhìn nhận như sự khủng hoảng căn tính mà như quá trình thương thảo và tái cấu trúc căn tính đô thị trong dòng phát triển tất yếu, qua đó thể hiện cái nhìn điềm tĩnh và sâu sắc của Nguyễn Việt Hà đối với kí ức và đô thị.

Việc tái hiện kí ức cá nhân và kí ức tập thể trong *Thị dân tiểu thuyết* không nhằm hồi tưởng hay phủ nhận tiến trình hiện đại hóa, mà còn là mong muốn giữ gìn bản sắc đô thị Hà Nội trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Ở đây, cần hiểu bản sắc không phải một thực thể bất biến, mà là một cấu trúc động, được bồi đắp qua thời gian, có khả năng dung nạp những biến đổi mà vẫn giữ được những giá trị cốt lõi của căn tính. Tự sự kí ức vì thế trở thành phương

¹ Nguyễn Việt Hà, *Thị dân tiểu thuyết*, 151, 161.

thức khẳng định tính liên tục văn hóa và khả năng thích ứng của căn tính thị dân trước những chuyển động của đời sống đô thị đương đại.

3.2. Tự sự kí ức: chiến lược nghệ thuật trong Thị dân tiểu thuyết

3.2.1. Kết cấu phân mảnh

Thị dân tiểu thuyết là tập hợp của nhiều dòng kí ức của các nhân vật về Hà Nội trong quá khứ. Mỗi dòng kí ức dung chứa những kỉ niệm về gia đình, bạn bè, tuổi trẻ,... Để tái hiện dòng kí ức đó, tác giả hàm ẩn đã sử dụng kết cấu phân mảnh. Kết cấu này cho phép tác giả phá vỡ tính tuyến tính của dòng kí ức, đồng thời chia cắt kí ức thành nhiều mảnh vỡ khác nhau; bao gồm kí ức về gia đình, tuổi trẻ, con người, lịch sử, văn hóa,...

Thứ nhất là những mảnh vỡ kí ức về gia đình. Trong hồi ức của các thị dân, Hà Nội hiện lên như không gian lưu giữ những kỉ niệm gắn với nếp sống gia phong và các giá trị đạo đức truyền thống. Đó là kí ức của Tĩnh về người mẹ đã dành trọn đời hi sinh cho chồng con, một người phụ nữ khéo vun vén, sống nhân hậu và giữ gìn nền nếp gia đình. Dù trải qua nhiều gian khó, đến cuối đời bà vẫn dành dụm được ba trăm hai mươi cây vàng, trong đó có một trăm cây được dùng để tu sửa Nguyễn đường của xóm, như một cách gìn giữ nghĩa tình cộng đồng. Kí ức gia đình còn được gợi lại qua hồi tưởng của nhà văn Lâm về ông cụ bà Thái Long – một gia đình giàu có nhưng giữ trọn phẩm cách liêm khiết của lớp thị dân cũ. Cụ bà hiện lên như hậu phương lặng lẽ, nhỏ bé, dịu dàng với hình ảnh quen thuộc ngồi đan len phía sau, trong khi cụ ông, dù trải qua nhiều thăng trầm, vẫn giữ phong thái chuẩn mực của một trí thức Hà Nội, đến cuối đời vẫn nhờ người đọc *Tam Quốc chí diễn nghĩa*. Những mảnh kí ức này không chỉ tái hiện đời sống gia đình mà còn cho thấy các giá trị văn hóa từng góp phần định hình căn tính thị dân Hà Nội. Kí ức gia đình còn hiện lên đầy xót xa qua những hoài niệm của Diệp về mẹ mình – cô Hảo. Cuộc đời cô Hảo là chuỗi tháng ngày cơ cực và bị định kiến đeo bám: bị gọi là “phò”, từng buôn bán vật ở chợ Đồng Xuân, sống trong căn phòng “xép” áp mái, và mang theo những nỗi tủi cực không bao giờ nói ra: “Mẹ bảo món nào ở Hà Nội cũng ngon. Mẹ nhớ bún ốc phở Nhà Chung, bún chả dốc Bà Triệu... Những hôm mưa liên miên mẹ nghỉ làm, ngồi chải tóc cho tôi...”¹. Kí ức của Tĩnh, ông Lâm và Diệp đã cho thấy rằng gia đình là một phần kí ức của mỗi thị dân mỗi khi nghĩ về Hà Nội.

Thứ hai là mảnh vỡ kí ức về thời tuổi trẻ của các nhân vật. Tuổi trẻ hiện lên với những hồi ức chan chứa rung động đầu đời. Tiêu biểu nhất là kí ức của vợ Tĩnh về những ngày hai người còn yêu nhau – một tình yêu giản dị, trong trẻo và đầy nhiệt thành. Chị nhớ những lá thư dài mở đầu bằng “Em yêu dấu”, những lần giận dỗi rồi xin lỗi. Những kỉ niệm ấy tiếp tục hiện lên qua hình ảnh buổi hẹn hò đầu tiên ở phố Hàng Hai, dưới mái hiên mưa lất phất và ánh đèn nê ông vàng nhạt “như chỉ dành cho hai đứa”, “một cái nắm tay hay nụ hôn vụng trộm dưới mái hiên mưa cũng đủ làm vui cả tuần”². Tuổi trẻ ấy còn thể hiện qua thời trai trẻ với những trò tán tỉnh của nhà văn Lâm và cả tình yêu trong sáng của cậu Ấm Bình dành cho cô Khuê. Mỗi tuần ba buổi, Bình “lân la lấy có mua sách”³ chỉ để được nhìn Khuê. Những xúc cảm vừa rụt

¹ Nguyễn Việt Hà, *Thị dân tiểu thuyết*, 313.

² Như trên, 66, 205.

³ Như trên, 162.

rè vừa xao động ấy hiện lên qua hình ảnh “gió lồng lộng và nắng rười rượi”¹ của buổi chiều Hà Nội tạo nên một mảnh vỡ kí ức đầy chất thơ.

Thứ ba là mảnh vỡ kí ức về bạn bè. Nhân vật Tĩnh thường nhớ về đám bạn thời trai trẻ – những người đã cùng anh lớn lên, rong chơi, học hành và chia sẻ những thăng trầm của cuộc sống. Những nhân vật như Lễ, Bình “khẩu”, ông Lâm thuở trẻ luôn hiện diện trong tâm trí anh như những mảnh ghép sống động của một thời đã qua. Trong kí ức của Tĩnh, Lễ là một người bạn gần bó từ thuở bé, từng cùng nhau sống thời bao cấp khó khăn. Về già, nó “lụ khụ già trước tuổi”², lúc nhớ lúc quên nhưng vẫn cố giữ lại những hương vị tuổi thơ như món *kẹo hoang đường của thời bao cấp*. Chi tiết này không chỉ là kí ức về một con người, mà là kí ức chung của một thế hệ thị dân sống trong thời kì nghèo khó mà trọng nghĩa, trọng tình. Bình “khẩu” trong kí ức là một gã trai Hà Nội tài hoa, ga lăng, hào phóng, có chút tinh nghịch nhưng chân thành, tiêu biểu cho vẻ đẹp lãng tử của cánh đàn ông thị dân Hà Nội thời xưa. Những cuộc trò chuyện, những buổi “cưa đường”, những màn bày mưu tán gái của Bình cũng được nhân vật nhớ lại. Những kỉ niệm về bạn bè đã cho thấy phố thị là nơi các nhân vật gửi lại thuở hoa niên tươi đẹp để rồi hôm nay, họ chỉ có thể tìm về thông qua những mảnh kí ức.

Thứ tư là mảnh vỡ kí ức về những con người hào hoa phong nhã. Họ là hình ảnh của những con người cũ, mang trong mình phẩm chất tốt đẹp của người Hà Nội. Đó là kí ức về cha cố Phúc, sư Tĩnh Tuệ, ông đề Thế,... Cha cố Phúc đại diện cho lớp trí thức Công giáo uyên bác, chuẩn mực, thấu hiểu lẽ đời và giàu lòng vị tha. Sư Tĩnh Tuệ lại mang vẻ tĩnh lặng, từ hòa và am hiểu ngọn nguồn minh triết Á Đông: “Sư Tĩnh Tuệ phảng phất cười hiền... Sư thầy nói không nhiều, nhưng ông đồng Lạc luôn chấp tay kính cẩn nghe, nhất là khi thầy thuyết về lịch sử Đạo giáo Việt”³. Đó còn là kí ức về ông đề Thế và ông đồng Lạc - những “pho sử sống” của phố cổ, gìn giữ những câu chuyện về con phố. Sự hiện diện của họ trong kí ức các nhân vật cho thấy rằng những con người ấy chính là “những ngọn núi cuối cùng của phố”⁴, là biểu tượng cho tinh thần Hà Nội cũ uyên bác, hào hoa, phong nhã.

Bên cạnh kí ức về gia đình, tình yêu và tuổi trẻ, tác phẩm còn mở rộng sang kí ức lịch sử và kí ức văn hóa với các sự kiện, lễ tết, phong tục và không gian sinh hoạt đặc trưng của Hà Nội. Dù xuất hiện dưới dạng phân mảnh, các hồi ức này không rời rạc mà được liên kết bởi hình tượng trung tâm là đô thị Hà Nội. Mỗi mảnh kí ức trở thành một mắt cắt góp phần kiến tạo hình ảnh thành phố như không gian của kỉ niệm, trải nghiệm đời người và các nếp sống văn hóa. Kết cấu phân mảnh không chỉ tái hiện kí ức đô thị mà còn tạo động lực trần thuật, khi dòng hồi ức liên tục đan cài qua nhiều không gian như phố xá, đền chùa, bờ hồ, quán xá, đồng thời làm thời gian tự sự dịch chuyển giữa hiện tại và quá khứ. Trạng thái chồng lớp này phản ánh cảm thức thị dân trước đô thị biến động, nơi kí ức trở thành điểm tựa tinh thần và không gian thuộc về.

¹ Nguyễn Việt Hà, *Thị dân tiểu thuyết*, 162.

² Như trên, 273.

³ Như trên, 106.

⁴ Như trên, 34.

3.2.2. Người kể chuyện đa tầng

Trong *Thị dân tiểu thuyết*, tác giả hàm ẩn đã triển khai hình tượng người kể chuyện đa tầng. Theo đó, người kể chuyện có quyền hạn linh hoạt di chuyển điểm nhìn bên ngoài và bên trong, tạo ra nhiều tầng bậc khác nhau trong trần thuật.

Thứ nhất, người kể chuyện tập trung khai thác điểm nhìn bên trong, cho phép các nhân vật xưng “tôi” và kể lại kí ức của chính mình. Cái “tôi” ấy cùng lúc là các nhân vật khác nhau: Tĩnh, vợ Tĩnh, Diệp. Khi tái hiện kí ức của Tĩnh về mẹ, người kể chuyện đã dịch chuyển điểm nhìn vào bên trong nhân vật: “Mẹ tôi vĩnh viễn không còn kịp chuộc bớt tội cho tôi. Tôi vượt mất mẹ... Tôi lấy cây Thánh giá gỗ... Tôi đổ ít nước phép lên thanh dọc, khua múa làm dầu lành cho người đã được Chúa gọi”¹. Khi tái hiện nỗi hoài niệm của vợ Tĩnh về chồng, người kể chuyện lại dịch chuyển điểm nhìn: “Tôi bật cười và anh cầm tay tôi. Tay anh mềm và ấm. Thoát cái đã hơn hai chục năm rồi, và tôi chưa bao giờ hết nhớ anh”². Điểm nhìn lại này tiếp tục được dịch chuyển sang nhân vật Diệp khi cô nhớ về tuổi thơ của mình: “tôi sinh ra trong một cái hẻm nhầy nhựa bùn (...) Một cái hẻm cụt, dài vô tận, không bao giờ có nắng (...) Cả hẻm, không nhiều những người nghiện ma túy, nhưng họ nghiện đủ loại tối tăm khác nhau”³.

Từ điểm nhìn bên ngoài, người kể chuyện trao quyền cho các nhân vật trực tiếp kể lại kí ức của mình, nhờ đó hồi ức hiện lên sinh động như những trải nghiệm nội tâm hơn là chuỗi sự kiện đơn thuần. Ở Tĩnh, kí ức gắn với cảm giác cô đơn và u hoài; qua điểm nhìn của vợ Tĩnh, Hà Nội nhuộm màu hoài nghi và tổn thương; còn với Diệp, đó là kí ức tuổi thơ tui nhục nhưng đầy khát vọng. Sự dịch chuyển liên tục giữa các “cái tôi” cho thấy kí ức trong *Thị dân tiểu thuyết* là bản hòa âm của nhiều hồi ức cá nhân. Khi các chủ thể cùng cất lời, những mảnh kí ức giao thoa và chồng lớp, hình thành một tầng kí ức tập thể về đô thị Hà Nội.

Thứ hai, người kể chuyện còn sử dụng điểm nhìn bên ngoài. Điểm nhìn này thường xuyên cắt ngang lời kể từ điểm nhìn bên trong của các nhân vật. Mở đầu tác phẩm, người kể chuyện đứng ở vị trí bên ngoài để kể về con phố nhỏ của các thị dân: “Phố thẳng Tĩnh dài chừng hơn ba trăm mét, có hai ngõ đều cụt. Cả hai đều nhiều ma. Đó là hồi xa xưa bao cấp, chứ bây giờ toàn người là người, ma nào dám ở”⁴. Ngay sau đó, người kể chuyện dịch chuyển điểm nhìn sang nhân vật khác: “Tôi là vợ thằng Tĩnh, bởi chồng tôi có viết văn thì anh ấy sẽ xưng hô như vậy. Tất nhiên, anh không thô lỗ nhưng là người kiêu bạc”⁵. Khi trần thuật từ điểm nhìn bên ngoài, người kể chuyện có thể thu gom và sắp xếp các mảnh kí ức rời rạc thành một chỉnh thể có trật tự, nhờ đó dòng tự sự về đô thị Hà Nội được tổ chức mạch lạc thay vì phân tán theo hồi ức cá nhân. Việc kết hợp điểm nhìn này là một chiến lược diễn ngôn của Nguyễn Việt Hà nhằm bổ sung một hình ảnh khác của Hà Nội – nơi các hoạt động làm ăn, thương lượng và đổi chác đang làm biến đổi diện mạo đô thị. Khác với góc nhìn bên trong vốn nhấn mạnh vẻ hào hoa, phong nhã của thị dân, điểm nhìn bên ngoài giúp giảm tính chủ quan của kí ức và tạo nên cái nhìn đa diện về đời sống Hà Nội hiện đại.

¹ Nguyễn Việt Hà, *Thị dân tiểu thuyết*, 114.

² Như trên, 66.

³ Như trên, 310.

⁴ Như trên, 22.

⁵ Như trên, 44.

Điểm nhìn bên ngoài còn giữ vai trò phân chia và chuyển tiếp giữa các mảnh kí ức, quyết định kí ức nào được kể, kí ức nào bị trì hoãn hay đặt cạnh nhau để tạo đối sánh. Nhờ khả năng điều phối này, người kể chuyện kết nối kí ức của nhiều chủ thể, làm hiện ra những lớp chồng lấn và giao thoa trong trải nghiệm, dù khác nhau về sự kiện, thời gian hay không gian nhưng đều quy tụ ở tâm thức thị dân hiện đại với cảm giác cô đơn, hoài nghi và bất an. Kí ức về Hà Nội vì thế hiện lên như một mạng lưới hồi ức liên kết, cùng góp phần khắc họa căn tính đô thị.

Từ đó có thể thấy người kể chuyện đa tầng trong *Thị dân tiểu thuyết* có mối quan hệ biện chứng với kết cấu phân mảnh. Sự di chuyển linh hoạt giữa các điểm nhìn khiến truyện kể không phát triển theo tuyến tính mà tách thành nhiều mảnh gắn với các chủ thể, thời gian và không gian khác nhau. Khi đặt cạnh nhau, các mảnh ghép này không nhằm tái lập một trật tự liên mạch mà làm nổi bật tính đứt gãy, chồng lớp và đa thanh của kí ức, qua đó hình thành một cấu trúc tự sự kí ức có khả năng mô phỏng sinh động cách vận hành của trí nhớ.

4. Kết luận

Tự sự kí ức là hướng tiếp cận kết nối nghiên cứu tự sự với nghiên cứu kí ức, qua đó khẳng định đồng thời chức năng nghệ thuật và chức năng văn hóa của truyện kể. Trong *Thị dân tiểu thuyết*, kí ức được tổ chức như một cấu trúc trần thuật chặt chẽ, với kết cấu phân mảnh và người kể chuyện đa tầng, mô phỏng đặc trưng phi tuyến, đứt đoạn và đồng hiện của kí ức con người. Cấu trúc tự sự này không chỉ làm nổi bật nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Việt Hà mà còn góp phần biểu đạt những biến chuyển trong căn tính thị dân và căn tính đô thị Hà Nội dưới tác động của hiện đại hóa. Việc tiếp cận tác phẩm từ góc nhìn tự sự kí ức gắn với căn tính và ngữ cảnh văn hóa đô thị mở ra một hướng nghiên cứu có ý nghĩa đối với tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà cũng như tiểu thuyết Việt Nam đương đại, đồng thời đóng góp thêm cơ sở lí luận cho việc vận dụng tự sự học liên ngành ở Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Apfelbaum, Erika. "Halbwachs and the Social Properties of Memory." In *Memory: Histories, Theories, Debates*, edited by Bill Schwarz and Susannah Radstone. Fordham University Press, 2010.
- Assmann, Jan. "Communicative and Cultural Memory." In *Cultural Memory Studies: An International and Interdisciplinary Handbook*, edited by Astrid Erll and Ansgar Nünning. Walter de Gruyter, 2008.
- Bamberg, Michael. "Identity and Narration." In *Handbook of Narratology*, edited by Peter Hühn, Jan Christoph Meister, John Pier, and Wolf Schmid. Walter de Gruyter, 2009.
- Booth, Wayne C. *The Rhetoric of Fiction*. 2nd ed. University of Chicago Press, 1983.
- Brescó de Luna, Ignacio and Alberto Rosa. "Memory, History and Narrative: Shifts of Meaning when (Re)constructing the Past." *Europe's Journal of Psychology*, vol. 8, no. 2 (2012): 300–310.
- Collins, Christopher. *Neopoetics: The Evolution of the Literate Imagination*. Columbia University Press, 2017.

- Đặng Văn Vũ và Vi Thị Thúy. “Cảm thức hậu hiện đại về con người trong tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà.” *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ Dầu Một*, số 6 (2024).
- Freeman, Mark. “Telling Stories: Memory and Narrative.” In *Memory: Histories, Theories, Debates*, edited by Susannah Radstone and Bill Schwarz. Fordham University Press, 2010.
- King, Nicola. *Memory, Narrative, Identity: Remembering the Self*. Edinburgh University Press, 2000.
- Nguyễn Việt Hà. *Thị dân tiểu thuyết*. NXB Trẻ, 2019.
- Phạm Phương Mai. “Tự sự kí ức trong tiểu thuyết *Những đại lộ vành đai* của Patrick Modiano.” *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 1 (2025). [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.1.4556\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.1.4556(2025))
- Trần Minh Tùng. “Diễn ngôn về thị dân trong *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà.” *Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*, ngày 25.01.2025. <https://lyluanphebinh.vn/tin-tuc/...-cua-nguyen-viet-ha>.
- Umar, Fitrawan, Haryo Winarso, and Iwan Kustiwan. “Urban Identity and Planning: Conceptual Study on Identity of Urban, Identity in Urban, and Identity for Urban.” *Spatium*, no. 51 (2024): 11–20. <https://doi.org/10.2298/SPAT230828002U>.